

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 449/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-5-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Ân
- Bà Nguyễn Ngọc Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Dương Thanh B**, sinh năm: 1982 (có mặt)

Địa chỉ: tổ H, ấp H, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Hồng T**, sinh năm: 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày ngày 18 tháng 12 năm 2024, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dương Thanh B trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hồng T bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2011 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/12/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Do ảnh hưởng yếu tố bên ngoài

nên mấy năm về sau vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau, khoảng vài năm trở lại đây vợ chồng ông ít giao tiếp dần dần, không còn nói chuyện với nhau suốt một thời gian dài, tình cảm vợ chồng dần dần nhạt phai khi mâu thuẫn ngày càng tăng lên. Sau nhiều lần cố gắng nhưng quan điểm trong cuộc sống khác nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng T.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Dương Gia H, sinh ngày: 25/6/2014 và Dương Nguyễn Anh T, sinh ngày: 29/10/2016. Khi ly hôn, ông Dương Thanh B yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Dương Gia H; ông đồng ý giao trẻ Dương Nguyễn Anh T cho bà Nguyễn Thị Hồng T chăm sóc, nuôi dưỡng; ông B không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con và ông cũng không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 20 tháng 01 năm 2025 và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Bà và ông Dương Thanh B bắt đầu chung sống vào năm 2011 do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/12/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022 xảy ra mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu suốt từ ngày bà về làm vợ ông B và ông B không có lập trường, chính kiến cứ nghe theo lời mẹ để mẹ hà khắc với vợ mà không giải quyết cho vợ, dần dần mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn, vợ chồng cãi vã to tiếng, mẹ chồng có lời lẽ không phù hợp nên bà không muốn con bị bạo lực ngôn từ ảnh hưởng đến tâm lý của con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên bà đồng ý ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên là Dương Gia H, sinh ngày: 25/6/2014 và Dương Nguyễn Anh T, sinh ngày: 29/10/2016. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Dương Gia H và trẻ Dương Nguyễn Anh T; bà yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.500.000 đồng cho mỗi trẻ.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án với đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Dương Thanh B, ông B được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng T.

Về con chung: Giao trẻ Dương Gia H, sinh ngày: 25/6/2014 và trẻ Dương Nguyễn Anh T cho bà Nguyễn Thị Hồng T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho mỗi trẻ.

Về án phí: Ông Dương Thanh B chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn và chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Dương Thanh B khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng T do đó Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vào thời điểm nộp đơn khởi kiện (ngày 18/12/2024) bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2011 thể hiện ông Dương Thanh B và bà Nguyễn Thị Hồng T đăng ký kết hôn vào ngày 20/12/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà ông B và bà T là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010).

[3] Về yêu cầu ly hôn: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B và bà T cùng xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn mẹ chồng con dâu, vợ chồng thường xuyên cãi vã, hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không còn hạnh phúc, ông bà sống ly thân từ tháng 01/2025 đến nay.

[4] Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng như sau:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

[5] Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án*

quyết định cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[6] Căn cứ Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và sự thừa nhận của hai bên về nguyên nhân mâu thuẫn trong thời gian chung sống, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông B và Bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên việc duy trì quan hệ hôn nhân cũng không còn ý nghĩa. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông B là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Ông B và bà T đều xác nhận có 02 (hai) con chung là Dương Gia H, sinh ngày: 25/6/2014 và Dương Nguyễn Anh T, sinh ngày: 29/10/2016. Hiện tại hai con chung đang sống cùng bà T.

[8] Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.*

[9] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B và bà T không thỏa thuận được với nhau về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Tại Biên bản ghi nhận ý kiến trẻ ngày 20/01/2025, trẻ Dương Gia H và trẻ Dương Nguyễn Anh T đều thể hiện ý kiến nếu ba mẹ ly hôn thì hai trẻ mong muốn sống cùng mẹ.

[10] Tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định như sau:

“1. Khi xem xét “quyền lợi về mọi mặt của con” quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình phải đánh giá khách quan, toàn diện các tiêu chí sau đây:

a) Điều kiện, khả năng của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, bao gồm cả khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại, bóc lột;

b) Quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, được duy trì mối quan hệ với người cha, mẹ không trực tiếp nuôi;

c) Sự gắn bó, thân thiết của con với cha, mẹ;

d) Sự quan tâm của cha, mẹ đối với con;

đ) Bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con;

e) Nguyện vọng của con được ở cùng với anh, chị, em (nếu có) để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con;

g) Nguyện vọng của con được sống chung với cha hoặc mẹ”.

[11] Xét thấy, từ khi bà T cùng hai con dọn về sinh sống tại huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến nay, trẻ Dương Gia H và trẻ Dương Nguyễn Anh T có cuộc sống ổn định, được học tập đầy đủ, đảm bảo cho sự phát triển của hai trẻ đồng thời hai trẻ có nguyện vọng sống cùng mẹ cho thấy sự gắn bó thân thiết với người mẹ. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, không làm xáo trộn môi trường sống và học tập hiện tại, để bảo đảm ổn định tâm lý của hai trẻ nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao trẻ Dương Gia H và trẻ Dương Nguyễn Anh T cho bà Nguyễn Thị Hồng T chăm sóc, nuôi dưỡng.

[12] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi hai trẻ Dương Gia H và Dương Nguyễn Anh T mỗi trẻ 3.500.000.000 đồng mỗi tháng.

[13] Tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn như sau: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*.

[14] Tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con”*.

[15] Tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*.

[16] Tại khoản 20 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: *“Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình”*.

[17] Theo bản kê chi tiêu học hành và sinh hoạt do bà T cung cấp thể hiện chi phí học học hành và các chi phí sinh hoạt hàng tháng của mỗi trẻ khoảng 9.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông B trình bày trong trường hợp Tòa án giao hai con cho bà T nuôi dưỡng thì ông cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ là 2.000.000 đồng/tháng. Bà T đồng ý với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi trẻ trong trường hợp bà được nuôi dưỡng hai con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn.

[18] Về phương thức cấp dưỡng: Bà T yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng vào ngày 05, bắt đầu từ tháng 6/2025.

[19] Về tài sản chung: Ông B và bà T cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[20] Về nợ chung: Ông B và bà T cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[21] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Thanh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010);

Căn cứ vào khoản 20 Điều 3, các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Thanh B đối với bà Nguyễn Thị Hồng T về việc tranh chấp ly hôn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Thanh Bình được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2011, quyền số 01/2011 đăng ký ngày 20/12/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Ông Dương Thanh B và bà Nguyễn Thị Hồng T có 02 (hai) con chung là trẻ Dương Gia H, sinh ngày: 25/6/2014 và trẻ Dương Nguyễn Anh T, sinh ngày: 29/10/2016.

Giao trẻ Dương Gia H và trẻ Dương Nguyễn Anh T cho bà Nguyễn Thị Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Dương Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Dương Gia H và trẻ Dương Nguyễn Anh T với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho mỗi trẻ. Tổng cộng mỗi tháng ông Dương Thanh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Ông Dương Thanh B và bà Nguyễn Thị Hồng T thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 05 hàng tháng tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 05/6/2025 cho đến khi trẻ Dương Gia H và trẻ Dương Nguyễn Anh T thành niên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Dương Thanh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích con chung, sau này các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Dương Thanh B và bà Nguyễn Thị Hồng T đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Dương Thanh B và bà Nguyễn Thị Hồng T đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Thanh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông Dương Thanh B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0051672 ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Dương Thanh B còn phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Ông Dương Thanh B và bà Nguyễn Thị Hồng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Bình Chánh;
- Chi cục THADS H. Bình Chánh;
- UBND Phường 7, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Tuyền